TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/KDTM-ST
Ngày: 08-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Thái**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Tý**;

2. Bà **Bùi Diệu Huệ**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Thị Thanh Hương** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân *tham gia phiên tòa*: Bà **Hồ Thị Vân** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 01, 25 tháng 3 và 08 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2017/TLST-KDTM ngày 22 tháng 6 năm 2017 về "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 707/2023/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần P;

Địa chỉ: số 2 bis, đường N, phường B, Quận j, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Quách Văn H, sinh năm 19xx;

Địa chỉ: số 2 bis, đường N, phường B, Quận j, Thành phố H. (có mặt)

2. Bị đơn: Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi S;

Địa chỉ: Lô I, Đường số 7, Khu công nghiệp V, phường B, quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đồng Thanh P, sinh năm 19xx;

Địa chỉ: Lô I, Đường số 7, Khu công nghiệp V, phường B, quận B, Thành phố H. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn V H, sinh năm 19xx; (có yêu cầu vắng mặt)

- Bà Võ Thị H, sinh năm 19xx; (có yêu cầu vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số B, khu phố VII, thị trấn M, huyện M, tỉnh B.

- Ông Huỳnh Văn P, sinh năm 19xx; (có yêu cầu vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 19xx; (có yêu cầu vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số 1, ấp A, xã A, huyện L, tỉnh V.

- Ông Lê Thanh S, sinh năm 19xx; (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 19xx; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/5/2017 và các Bản tự khai nộp cho Toà án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần P (sau đây gọi tắt là H) trình bày:

Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi S (sau đây gọi tắt là Công ty S) có vay vốn tại H theo các hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 0059/15/HĐTDTDH-DN/140 ngày 12/02/2015: H đã giải ngân cho Công ty S số tiền 775.000.000 đồng (theo khế ước nhận nợ số 01 ngày 13/02/2015), ngày đến hạn 13/02/2018, mục đích vay: mua xe ô tô phục vụ kinh doanh.

- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 0130/2015/HĐTDTDH-DN/140 ngày 18/05/2015: H đã giải ngân cho Công ty S số tiền 975.000.000 đồng (theo khế ước nhận nợ số 01 ngày 18/5/2015), ngày đến hạn 18/5/2018, mục đích vay: mua xe ô tô phục vụ kinh doanh.

- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 0305/15/HĐTDTDH-DN/140 ngày 19/11/2015: H đã giải ngân cho Công ty S số tiền 862.000.000 đồng (theo khế ước nhận nợ số 01 ngày 19/11/2015), ngày đến hạn 19/11/2018, mục đích vay: mua xe ô tô phục vụ kinh doanh.

- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 0026/16/HĐTDTDH-DN/140 ngày 03/02/2016: H đã giải ngân cho Công ty S số tiền 453.000.000 đồng (theo khế ước nhận nợ số 01 ngày 04/02/2016), ngày đến hạn 04/02/2019, mục đích vay: mua xe ô tô phục vụ kinh doanh.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0064/16/HĐTDHM-DN/140 ngày 13/04/2016: H đã giải ngân cho Công ty S theo khế ước nhận nợ số 06 ngày 12/7/2016 là 350.000.000 đồng, ngày đến hạn 12/01/2017; theo khế ước nhận nợ số 07 ngày 25/8/2016 là 210.000.000 đồng, ngày đến hạn là 25/02/2017; theo khế ước nhận nợ số 09 ngày 26/9/2016 là 614.700.000 đồng, ngày đến hạn là 26/12/2016; mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh.

Để đảm bảo các khoản vay theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên, Công ty S đã thế chấp cho H các tài sản sau:

- 01 xe ô tô hiệu MAZDA – CX5, biển kiểm soát 51F-117.xx có số khung RN2KE57A6FC012374, số máy PE 10200429, thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 0038/15/HĐBĐ1-140 ngày 12/02/2015, được công chứng số 0946, quyển số 07/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Hoàng Long, đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng ngày 12/02/2015.

- 01 xe ô tô hiệu TOYOTA – VIOS E, biển kiểm soát 51F-146.xx có số khung RL4BT9F31F4011601, số máy 1NZZ243663; thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 0084/2015/HĐBĐ-140 ngày 18/5/2015, được công chứng số 2908, quyển số 07/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Hoàng Long, đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng ngày 18/5/2015.

- 01 xe ô tô hiệu TOYOTA – INNOVA, biển kiểm soát 51F-147.xx có số khung RL4XW42G0F9417591, số máy 1TR8003011; thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 0084/2015/HĐBĐ-140 ngày 18/5/2015, được công chứng số 2908, quyển số 07/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Hoàng Long, đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng ngày 18/5/2015.

- 01 xe ô tô hiệu HONDA – CITY 1.5CVT, biển kiểm soát 51F-147.xx có số khung RLHGM6660GY601597, số máy L15Z12301597; thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 0020/16/HĐBĐ-140 ngày 03/02/2016, được công chứng số 0948, quyển số 08/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Hoàng Long, đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng ngày 04/02/2016.

- 01 xe ô tô hiệu MITSUBISHI – TRITON GLSMT, biển kiểm soát 51F-147.xx có số khung MMBJNKB40FD039034, số máy 4D56UCFL9007; thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 0199/15/HĐBĐ-140 ngày 19/11/2015, được công chứng số 7677, quyển số 07/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Hoàng Long, đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng ngày 19/11/2015.

- 01 xe ô tô hiệu MITSUBISHI – TRITON GLSMT, biển kiểm soát 51F-147.xx có số khung MMBJNKB40FD039039, số máy 4D56UCFL9394; thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 0199/15/HĐBĐ-140 ngày 19/11/2015, được công chứng số 7677, quyển số 07/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Hoàng Long, đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng ngày 19/11/2015.

- Quyền đòi nợ đã hình thành của Công ty S theo Hợp đồng đại lý thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản số 003/16/HĐĐL/ĐT và Phụ lục số 003/16/HĐĐL/ĐT-PL01 ngày 26/01/2016 và Hợp đồng sửa đổi số

003/16/HĐĐL/ĐT-SĐ01 ngày 11/03/2016 được ký kết giữa Công ty S với Ông Nguyễn V H, bà Võ Thị H theo Hợp đồng thế chấp số 0036/16/HĐBĐ-140 ngày 16/3/2016, đăng ký thế chấp ngày 17/3/2016.

- Quyền đòi nợ đã hình thành của Công ty S theo Hợp đồng đại lý thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản số 039/16/HĐĐL/ĐT và Phụ lục số 039/16/HĐĐL/ĐT-PL01 ngày 19/5/2016 được ký kết giữa Công ty S với ông Lê Thanh S, bà Nguyễn Thị X; Hợp đồng thế chấp số 0096/16/HĐBĐ-140 ngày 12/7/2016, đăng ký thế chấp ngày 12/7/2016.

- Quyền đòi nợ đã hình thành của Công ty S theo Hợp đồng đại lý thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản số 057/16/HĐĐL/ĐT và Phụ lục số 057/16/HĐĐL/ĐT-PL ngày 16/7/2016 được ký kết giữa Công ty S với ông Huỳnh Văn P, bà Nguyễn Thị C; Hợp đồng thế chấp số 0113/16/HĐBĐ-140 ngày 25/8/2016, đăng ký thế chấp ngày 26/8/2016.

Tính đến ngày 29/01/2024, Công ty S còn nợ H như sau:

Đối với Hợp đồng tín dụng 0059/15/HĐTDTDH-DN/140 ngày 12/02/2015: Công ty S đã trả được 473.000.000 đồng nợ gốc, và 97.523.351 đồng nợ lãi; còn nợ vốn gốc là 302.000.000 đồng, nợ lãi là 337.412.935 đồng.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 0130/2015/HĐTDTDH-DN/140 ngày 18/05/2015: Công ty S đã trả được 509.400.654 đồng nợ gốc, và 114.915.521 đồng nợ lãi; còn nợ vốn gốc là 465.599.346 đồng, nợ lãi là 537.635.172 đồng.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 0305/15/HĐTDTDH-DN/140 ngày 19/11/2015: Công ty S đã trả được 851.081.852 đồng nợ gốc, và 65.111.051 đồng nợ lãi; còn nợ vốn gốc là 10.918.148 đồng, nợ lãi là 254.780.827 đồng.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 0026/16/HĐTDTDH-DN/140 ngày 03/02/2016: Công ty S đã trả được 125.800.000 đồng nợ gốc và 7.814.785 đồng nợ lãi; còn nợ vốn gốc là 327.200.000 đồng, nợ lãi là 395.875.581 đồng.

Đối với Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0064/16/HĐTDHM-DN/140 ngày 13/04/2016: Công ty S chưa trả nợ gốc, lãi; còn nợ vốn gốc là 1.174.700.000 đồng, nợ lãi là 1.220.517.116 đồng.

Tổng số tiền Công ty S còn nợ của H là 5.026.639.125 đồng; trong đó: tổng nợ vốn gốc là 2.280.417.494 đồng; tổng nợ lãi là 2.746.221.631 đồng;

H yêu cầu Công ty S phải thanh toán ngay làm một lần số tiền nợ nêu trên cho H đồng thời buộc Công ty S phải tiếp tục thanh toán nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 30/01/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp Công ty S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho H, đề nghị phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo được dùng để cấn trừ nghĩa vụ trả nợ của Công ty S đối với Ngân hàng; nếu tiền phát mãi tài sản đảm bảo

không đủ thanh toán thì Công ty S còn phải tiếp tục thanh toán cho đến khi trả xong số tiền nợ.

Tại Bản tự khai ngày 12/7/2017 nộp cho Tòa án, người đại diện theo pháp luật của Công ty S trình bày: Công ty S có vay tiền tại H theo các Hợp đồng tín dụng và thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay theo các Hợp đồng thế chấp đúng như trình bày của H; thừa nhận đến thời điểm khởi kiện Công ty còn nợ gốc và lãi với tổng số tiền là 2.998.053.299 đồng. Do tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty đang gặp khó khăn nên xin được thanh toán tiền nợ trong thời hạn 03 tháng (đến hết ngày 12/10/2017).

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền vốn lãi còn nợ tính đến ngày 08/5/2024 là 5.131.290.102 đồng, trong đó:

- Nợ vốn lãi của Hợp đồng tín dụng số 0059/15/HĐTDTDH-DN/140 là 651.695.996 đồng, bao gồm: 302.000.000 đồng nợ gốc, 20.178.669 đồng nợ lãi trong hạn và 329.517.327 đồng nợ lãi quá hạn.

- Nợ vốn lãi của Hợp đồng tín dụng số 0130/2015/HĐTDTDH-DN/140 là 1.023.341.781 đồng, bao gồm: 465.599.346 đồng nợ gốc, 34.477.667 đồng nợ lãi trong hạn và 523.264.768 đồng nợ lãi quá hạn.

- Nợ vốn lãi của Hợp đồng tín dụng số 0305/15/HĐTDTDH-DN/140 là 268.819.886 đồng, bao gồm: 10.918.148 đồng nợ gốc, 66.700.359 đồng nợ lãi trong hạn và 191.201.379 đồng nợ lãi quá hạn.

- Nợ vốn lãi của Hợp đồng tín dụng số 0026/16/HĐTDTDH-DN/140 là 737.885.456 đồng, bao gồm: 327.200.000 đồng nợ gốc, 41.128.487 đồng nợ lãi trong hạn và 369.556.969 đồng nợ lãi quá hạn.

- Nợ vốn lãi của Hợp đồng tín dụng số 0064/16/HĐTDHM-DN/140 là 2.449.546.983 đồng, bao gồm: 1.174.700.000 đồng nợ gốc, 13.898.925 đồng nợ lãi trong hạn và 1.260.948.058 đồng nợ lãi quá hạn.

Trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Yêu cầu Công ty S tiếp tục chịu thêm tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 09/5/2024 cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ.

Trường hợp Công ty S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho H, đề nghị phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

H rút lại, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với các Hợp đồng thế chấp tài sản là quyền đòi nợ.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Sang, bà Xuyến) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại có yêu cầu vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu quan điểm:

Tòa án đã thực hiện đúng quy định về quá trình thụ lý và giải quyết vụ án; chưa đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử; tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục và trình tự phiên tòa quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn; đình chỉ việc giải quyết yêu cầu của nguyên đơn đối với các Hợp đồng thế chấp tài sản là quyền đòi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng Thương mại cổ phần P có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn Công ty S, có trụ sở tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ Điều 30, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Hiệp, bà Hà, ông Phỉ và bà Chính) có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Sang, bà Xuyến) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Đối với yêu cầu khởi kiện của H, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Về nợ vốn: Xét, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp và lời khai thừa nhận của bị đơn, có cơ sở xác định:

Công ty S có vay và được H giải ngân tiền vay theo các Hợp đồng và khế ước nhận nợ, như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 0059/15/HĐTDTDH-DN/140 ngày 12/02/2015 và khế ước nhận nợ số 01 ngày 13/02/2015; H đã giải ngân cho Công ty S 775.000.000 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số 0130/2015/HĐTDTDH-DN/140 ngày 18/05/2015 và khế ước nhận nợ số 01 ngày 18/5/2015; H đã giải ngân cho Công ty S 975.000.000 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số 0305/15/HĐTDTDH-DN/140 ngày 19/11/2015 và khế ước nhận nợ số 01 ngày 19/11/2015; H đã giải ngân cho Công ty S 862.000.000 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số 0026/16/HĐTDTDH-DN/140 ngày 03/02/2016 và khế ước nhận nợ số 01 ngày 04/02/2016; H đã giải ngân cho Công ty S 453.000.000 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số 0064/16/HĐTDHM-DN/140 ngày 13/04/2016 và khế ước nhận nợ số 06 ngày 12/7/2016, khế ước nhận nợ số 07 ngày 25/8/2016, khế ước nhận nợ số 09 ngày 26/9/2016; H đã giải ngân lần lượt cho Công ty S số tiền tương ứng là 350.000.000 đồng, 210.000.000 đồng và 614.700.000 đồng.

Các khoản vay nêu trên được Công ty S bảo đảm bằng các tài sản thế chấp như sau:

- Xe ô tô hiệu MAZDA – CX5, biển kiểm soát 51F-117.xx có số khung RN2KE57A6FC012374, số máy PE 10200429 (Hợp đồng thế chấp số 0038/15/HĐBĐ1-140 ngày 12/02/2015, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 12/02/2015);

- Xe ô tô hiệu TOYOTA – VIOS E, biển kiểm soát 51F-146.xx có số khung RL4BT9F31F4011601, số máy 1NZZ243663 (Hợp đồng thế chấp số 0084/2015/HĐBĐ-140 ngày 18/5/2015, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 18/5/2015);

- Xe ô tô hiệu TOYOTA – INNOVA, biển kiểm soát 51F-147.xx có số khung RL4XW42G0F9417591, số máy 1TR8003011 (Hợp đồng thế chấp số 0084/2015/HĐBĐ-140 ngày 18/5/2015, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 18/5/2015);

- Xe ô tô hiệu HONDA – CITY 1.5CVT, biển kiểm soát 51F-147.xx có số khung RLHGM6660GY601597, số máy L15Z12301597 (Hợp đồng thế chấp số 0020/16/HĐBĐ-140 ngày 03/02/2016, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 04/02/2016);

- Xe ô tô hiệu MITSUBISHI – TRITON GLSMT, biển kiểm soát 51F-147.xx có số khung MMBJNKB40FD039034, số máy 4D56UCFL9007 (Hợp đồng thế chấp số 0199/15/HĐBĐ-140 ngày 19/11/2015, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19/11/2015).

- xe ô tô hiệu MITSUBISHI – TRITON GLSMT, biển kiểm soát 51F-147.xx có số khung MMBJNKB40FD039039, số máy 4D56UCFL9394 (Hợp đồng thế chấp số 0199/15/HĐBĐ-140 ngày 19/11/2015, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19/11/2015);

- Tài sản là quyền đòi nợ đã hình thành trong quá trình thực hiện Hợp đồng đại lý thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản số 003/16/HĐĐL/ĐT, Phụ lục số 003/16/HĐĐL/ĐT-PL01 ngày 26/01/2016 và Hợp đồng sửa đổi số 003/16/HĐĐL/ĐT-SĐ01 ngày 11/03/2016 của Công ty S đối với Ông Nguyễn V H, bà Võ Thị H (Hợp đồng thế chấp số 0036/16/HĐBĐ-140 ngày 16/3/2016, đăng ký thế chấp ngày 17/3/2016);

- Tài sản là quyền đòi nợ đã hình thành trong quá trình thực hiện Hợp đồng đại lý thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản số 039/16/HĐĐL/ĐT và Phụ lục số 039/16/HĐĐL/ĐT-PL01 ngày 19/5/2016 của Công ty S đối với ông Lê

Thanh S, bà Nguyễn Thị X (Hợp đồng thế chấp số 0096/16/HĐBĐ-140 ngày 12/7/2016, đăng ký thế chấp ngày 12/7/2016);

- Tài sản là quyền đòi nợ đã hình thành trong quá trình thực hiện Hợp đồng đại lý thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản số 057/16/HĐĐL/ĐT và Phụ lục số 057/16/HĐĐL/ĐT-PL ngày 16/7/2016 của Công ty S đối với ông Huỳnh Văn P, bà Nguyễn Thị C (Hợp đồng thế chấp số 0113/16/HĐBĐ-140 ngày 25/8/2016, đăng ký thế chấp ngày 26/8/2016).

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty S vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã được các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký kết nên H khởi kiện yêu cầu trả tiền nợ vốn là có cơ sở; do đó cần chấp nhận yêu cầu và buộc Công ty S phải trả cho H tiền vốn còn nợ tính đến ngày xét xử (08/5/2024) là 2.280.417.494 đồng; trong đó: Hợp đồng tín dụng số 0059/15/HĐTDTDH-DN/140 là 302.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 0130/2015/HĐTDTDH-DN/140 là 465.599.346 đồng; Hợp đồng tín dụng số 0305/15/HĐTDTDH-DN/140 là 10.918.148 đồng; Hợp đồng tín dụng số 0026/16/HĐTDTDH-DN/140 là 327.200.000 đồng; Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0064/16/HĐTDHM-DN/140 ngày 13/04/2016 là 1.174.700.000 đồng.

[2.2] Về nợ lãi: Do công ty S vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã thoả thuận và nợ lãi mà H yêu cầu bị đơn phải thanh toán được xác định theo thỏa thuận của các bên tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 do đó cần xem xét chấp nhận, buộc công ty S phải thanh toán cho H nợ lãi tính đến ngày xét xử vụ án (08/5/2024) như sau:

Đối với Hợp đồng tín dụng số 0059/15/HĐTDTDH-DN/140 là 349.695.996 đồng, bao gồm: lãi trong hạn là 20.178.669 đồng, lãi quá hạn là 329.517.327 đồng.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 0130/2015/HĐTDTDH-DN/140 là 557.742.435 đồng, bao gồm: lãi trong hạn là 34.477.667 đồng, lãi quá hạn là 523.264.768 đồng.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 0305/15/HĐTDTDH-DN/140 là 257.901.738 đồng, bao gồm: lãi trong hạn là 66.700.359 đồng, lãi quá hạn là 191.201.379 đồng.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 0026/16/HĐTDTDH-DN/140 là 410.685.456 đồng, bao gồm: lãi trong hạn là 41.128.487 đồng, lãi quá hạn là 369.556.969 đồng.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 0064/16/HĐTDHM-DN/140 là 1.274.846.983 đồng, bao gồm: lãi trong hạn là 13.898.925 đồng, lãi quá hạn là 1.260.948.058 đồng.

Như vậy, tổng số tiền nợ của các Hợp đồng tín dụng số 0059/15/HĐTDTDH-DN/140, số 0130/2015/HĐTDTDH-DN/140, số 0305/15/HĐTDTDH-DN/140, số 0026/16/HĐTDTDH-DN/140 và số 0064/16/HĐTDHM-DN/140, công ty S phải trả

cho H là 5.131.290.102 đồng; phải thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[2.3] Đối với yêu cầu của H về việc buộc Công ty S phải thanh toán thêm tiền lãi phát sinh theo thoả thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký tính từ sau ngày xét xử cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ; trường hợp Công ty S không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì H được quyền yêu cầu phát mãi các tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp số 0038/15/HĐBĐ1-140 ngày 12/02/2015, số 0084/2015/HĐBĐ-140 ngày 18/5/2015, số 0020/16/HĐBĐ-140 ngày 03/02/2016, số 0199/15/HĐBĐ-140 ngày 19/11/2015 để đảm bảo thu hồi nợ là có căn cứ, xét chấp nhận.

Đối với xe ô tô hiệu MAZDA – CX5, biển kiểm soát 51F-117.xx, tài liệu có trong hồ sơ khởi kiện của H thể hiện ông Nguyễn Chí Cường-Tổng giám đốc Công ty S cung cấp thông tin cho rằng ông Lê Minh Mân đã đem xe này đi cầm cố cho người khác nhưng không được ông Mân thừa nhận; quá trình giải quyết vụ án, phía đại diện của Công ty S cũng không có mặt để cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác nên không có cơ sở xem xét.

[2.4] Đối với yêu cầu của H về việc xử lý các Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 0036/16/HĐBĐ-140 ngày 16/3/2016, số 0096/16/HĐBĐ-140 ngày 12/7/2016 và số 0113/16/HĐBĐ-140 ngày 25/8/2016; tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại, không yêu cầu Tòa án giải quyết; xét, việc rút lại yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này theo quy định tại Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về án phí:

- Công ty S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

- H không phải chịu án phí và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 91 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần P:

1.1 Buộc Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi S trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P 5.131.290.102 (năm tỷ một trăm ba mươi một triệu hai trăm chín mươi nghìn một trăm lẻ hai) đồng, bao gồm:

Đối với Hợp đồng tín dụng số 0059/15/HĐTDTDH-DN/140 là 651.695.996 đồng, bao gồm: nợ gốc là 302.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 20.178.669 đồng, lãi quá hạn là 329.517.327 đồng.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 0130/2015/HĐTDTDH-DN/140 là 1.023.341.781 đồng, bao gồm: nợ gốc là 465.599.346 đồng, nợ lãi trong hạn là 34.477.667 đồng, lãi quá hạn là 523.264.768 đồng.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 0305/15/HĐTDTDH-DN/140 là 268.819.886 đồng, bao gồm: nợ gốc là 10.918.148 đồng, nợ lãi trong hạn là 66.700.359 đồng, lãi quá hạn là 191.201.379 đồng.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 0026/16/HĐTDTDH-DN/140 là 737.885.456 đồng, bao gồm: nợ gốc là 327.200.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 41.128.487 đồng, lãi quá hạn là 369.556.969 đồng.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 0064/16/HĐTDHM-DN/140 là 2.449.546.983 đồng, bao gồm: nợ gốc là 1.174.700.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 13.898.925 đồng, lãi quá hạn là 1.260.948.058 đồng.

Trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử nếu Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi S chưa thanh toán khoản tiền nợ thì công ty S còn phải chịu thêm tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo thỏa thuận của các bên tương ứng tại các Hợp đồng tín dụng số: 0059/15/HĐTDTDH-DN/140 ngày 12/02/2015; 0130/2015/HĐTDTDH-DN/140 ngày 18/05/2015; 0305/15/HĐTDTDH-DN/140 ngày 19/11/2015; 0026/16/HĐTDTDH-DN/140 ngày 03/02/2016 và số 0064/16/HĐTDHM-DN/140 ngày 13/04/2016 tại thời điểm thi hành tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

1.3 Trường hợp Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi S không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P thì Ngân hàng Thương mại cổ phần P được quyền yêu cầu phát mãi các tài sản thế chấp là: xe ô tô hiệu MAZDA – CX5, biển kiểm soát 51F-117.xx có số khung RN2KE57A6FC012374, số máy PE 10200429; xe ô tô hiệu TOYOTA – VIOS E, biển kiểm soát 51F-146.xx có số khung RL4BT9F31F4011601, số máy 1NZZ243663; xe ô tô hiệu TOYOTA – INNOVA, biển kiểm soát 51F-147.xx có số khung RL4XW42G0F9417591, số máy 1TR8003011; xe ô tô hiệu HONDA – CITY 1.5CVT, biển kiểm soát 51F-147.xx có số khung RLHGM6660GY601597, số máy L15Z12301597; xe ô tô hiệu MITSUBISHI – TRITON GLSMT, biển kiểm soát 51F-147.xx có số khung MMBJNKB40FD039034, số máy 4D56UCFL9007; xe ô tô hiệu MITSUBISHI – TRITON GLSMT, biển kiểm soát 51F-147.xx có số khung MMBJNKB40FD039039, số máy 4D56UCFL9394 theo các Hợp đồng thế chấp số: 0038/15/HĐBĐ1-140 ngày 12/02/2015; 0084/2015/HĐBĐ-140 ngày 18/5/2015; số 0020/16/HĐBĐ-140 ngày 03/02/2016; 0199/15/HĐBĐ-140 ngày 19/11/2015 đã đăng ký giao dịch bảo đảm để thu hồi nợ.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần P về việc yêu cầu xử lý các Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 0036/16/HĐBĐ-140 ngày 16/3/2016, số 0096/16/HĐBĐ-140 ngày 12/7/2016 và số 0113/16/HĐBĐ-140 ngày 25/8/2016.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Buộc Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi S phải chịu 113.131.290 đồng án phí kinh doanh sơ thẩm;

- Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P 45.980.533 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000535 ngày 20/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *VKSND quận Bình Tân;*
- *VKSND TP. Hồ Chí Minh;*
- *TAND TP. Hồ Chí Minh;*
- *Chi cục THADS quận Bình Tân;*
- *Lưu: HS + VT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Thái

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Thái